|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ****———** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**———————————— |
| Số: /2025/NĐ-CP**DỰ THẢO LẦN 1** | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về tài chính công đoàn, kinh phí công đoàn, ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ và miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn; quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng kinh phí công đoàn của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp**

———

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Công đoàn ngày 27 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính*,

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tài chính công đoàn, kinh phí công đoàn, ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ và miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn; quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng kinh phí công đoàn của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định chi tiết về tài chính công đoàn đối với nguồn thu kinh phí công đoàn và ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Đối với nguồn thu đoàn phí công đoàn do đoàn viên công đoàn đóng thực hiện theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

3. Đối với nguồn thu khác từ hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động kinh tế của Công đoàn; từ đề án, dự án do Nhà nước giao; từ viện trợ, tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan đến quản lý và sử dụng đối với từng khoản thu.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, *đơn vị sự nghiệp không hưởng 100% lương từ ngân sách nhà nước*, *hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã* quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Cơ quan, tổ chức, các cấp công đoàn, cá nhân có liên quan đến quản lý và sử dụng tài chính công đoàn theo quy định của [Luật công đoàn](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Luat-Cong-doan-2012-142186.aspx).

*3. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp thành lập theo Điều 172 Bộ luật lao động năm 2019.*

**Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tài chính công đoàn**

*Tài chính công đoàn được sử dụng theo các nguyên tắc, nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Công đoàn.*

Tổ chức công đoàn được giao quản lý, sử dụng tài chính công đoàn được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ; được mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng để phản ánh các khoản thu, chi kinh phí công đoàn theo quy định của [Luật công đoàn](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Luat-Cong-doan-2012-142186.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank).

Kết thúc năm ngân sách, nguồn thu kinh phí công đoàn chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo quy định; đối với nguồn ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ, thực hiện theo quy định của [Luật ngân sách nhà nước](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Luat-Ngan-sach-Nha-nuoc-2002-01-2002-QH11-50345.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) và các văn bản hướng dẫn Luật về khóa sổ ngân sách cuối năm.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN**

**Điều 4. Đối tượng đóng kinh phí công đoàn**

Đối tượng đóng kinh phí công đoàn theo quy định tại *Điểm b Khoản 1 Điều 29 Luật công đoàn năm 2024 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025)*  là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, *đơn vị sự nghiệp không hưởng 100% lương từ ngân sách nhà nước, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã* mà không phân biệt cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, *hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã* đó đã có hay chưa có tổ chức công đoàn *cấp* cơ sở, bao gồm:

1. Cơ quan nhà nước (kể cả Ủy ban nhân dân xã, phường), đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; *đơn vị sự nghiệp không hưởng 100% lương từ ngân sách nhà nước (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên*).

*Đối tượng đóng kinh phí công đoàn nêu trên không bao gồm đối tượng đóng kinh phí công đoàn nơi kết thúc hoạt động, không lập tổ chức công đoàn trước ngày 01/7/2025*.

2. Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

3. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thành lập, hoạt động theo [Luật doanh nghiệp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-2005-60-2005-QH11-7019.aspx), [Luật đầu tư](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-dau-tu-2005-59-2005-QH11-6916.aspx).

4. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập, hoạt động theo [Luật hợp tác xã](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-hop-tac-xa-2012-23-2012-QH13-152716.aspx).

5. Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam có liên quan đến tổ chức và hoạt động công đoàn, văn phòng điều hành của phía nước ngoài trong hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam có sử dụng lao động là người Việt Nam.

6. Tổ chức khác có sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

**Điều 5. Mức đóng và căn cứ đóng kinh phí công đoàn**

Mức đóng bằng 2% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội *bắt buộc* cho người lao động. Quỹ tiền lương này là tổng mức tiền lương của những người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Riêng đối với đơn vị thuộc lực lượng vũ trang quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định này, quỹ tiền lương là tổng mức tiền lương của những công nhân viên chức quốc phòng, lao động làm việc hưởng lương trong các nhà máy, doanh nghiệp, đơn vị cơ sở trong Quân đội nhân dân; công nhân, viên chức, lao động làm việc hưởng lương trong các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị khoa học-kỹ thuật, sự nghiệp và phục vụ trong Công an nhân dân.

**Điều 6. Phương thức đóng kinh phí công đoàn**

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường đóng kinh phí công đoàn mỗi tháng một lần cùng thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động.

Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan, đơn vị mở tài khoản giao dịch căn cứ giấy rút kinh phí công đoàn, thực hiện việc kiểm soát chi và chuyển tiền vào tài khoản tiền gửi của tổ chức công đoàn tại ngân hàng.

2. Tổ chức, doanh nghiệp, *hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã* đóng kinh phí công đoàn mỗi tháng một lần cùng thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động.

3. Tổ chức, doanh nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp (*không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này*) trả tiền lương theo chu kỳ sản xuất, kinh doanh đóng kinh phí công đoàn theo tháng hoặc quý một lần cùng với thời điểm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động trên cơ sở đăng ký với tổ chức công đoàn.

*4. Thời hạn đóng kinh phí công đoàn chậm nhất đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Ngày cuối cùng của tháng tiếp theo đối với phương thức đóng hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 và khoản 3 Điều này; ngày cuối cùng của tháng tiếp theo ngay sau chu kỳ đóng với phương thức đóng mỗi quý một lần theo quy định tại khoản 3 Điều này.*

*5. Cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, đơn vị sự nghiệp không hưởng 100% lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trách nhiệm đóng kinh phí công đoàn đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định. Phối hợp, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến việc đóng kinh phí công đoàn khi có yêu cầu bằng văn bản của Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi phân cấp thu kinh phí công đoàn trực tiếp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

**Điều 7. Nguồn đóng kinh phí công đoàn**

1. Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, ngân sách nhà nước bảo đảm nguồn đóng kinh phí công đoàn tính theo quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội cho số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Phần kinh phí công đoàn phải đóng còn lại, đơn vị tự bảo đảm theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều này.

2. Đối với doanh nghiệp và đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ, khoản đóng kinh phí công đoàn được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong kỳ.

3. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị còn lại, khoản đóng kinh phí công đoàn được sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật.

**Chương III**

**QUY ĐỊNH VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP HỖ TRỢ**

**Điều 8. Các nội dung ngân sách trung ương cấp hỗ trợ**

1. Trường hợp nguồn thu tài chính công đoàn không đảm bảo *kinh phí* hoạt động của hệ thống tổ chức công đoàn và thực hiện nhiệm vụ của công đoàn: Vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của [Luật ngân sách nhà nước](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Luat-Ngan-sach-Nha-nuoc-2002-01-2002-QH11-50345.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng dự toán thu đối với các nguồn quy định tại *Điểm a, b và d**Khoản 1 Điều 29 Luật công đoàn* và dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ quy định tại *Khoản 2 Điều 31 Luật công đoàn* theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức *do cấp có thẩm quyền* quy định đối với cơ quan hành chính sự nghiệp, *báo cáo Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, tổng hợp và chịu trách nhiệm xác định phần chênh lệch thiếu gửi Bộ Tài chính* trình Chính phủ để trình Quốc hội quyết định hỗ trợ.

2. Kinh phí ngân sách trung ương cấp hỗ trợ đối với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam:

a) Kinh phí đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế.

b) Kinh phí tổ chức đoàn ra, đoàn vào khi thực hiện nhiệm vụ đại diện duy nhất của người lao động ở cấp quốc gia trong quan hệ lao động và quan hệ quốc tế về công đoàn.

c) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

d) Kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án.

e) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao.

f) Kinh phí đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

g) Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

h) Kinh phí hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo quy định của pháp luật về *cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập*.

i) *Chi đầu tư xây dựng cơ bản* của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

**Điều 9. Các nội dung được ngân sách địa phương cấp hỗ trợ đối với Liên đoàn Lao động cấp tỉnh**

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án.

4. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao.

5. Kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

6. Kinh phí hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Liên đoàn Lao động cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về *cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập*.

7. *Chi đầu tư xây dựng cơ bản* của Liên đoàn Lao động cấp tỉnh theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt

**Điều 10. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ**

1. Kinh phí thuộc ngân sách cấp nào hỗ trợ thì phân bổ cho cơ quan, đơn vị thuộc công đoàn cấp đó thực hiện; không sử dụng ngân sách trung ương để hỗ trợ cho cơ quan, đơn vị thuộc công đoàn cấp dưới, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Cơ quan, đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải thực hiện sử dụng kinh phí theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả và có đủ hồ sơ, chứng từ thanh toán; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách được giao.

3. Việc lập dự toán, chấp hành, kế toán và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước , pháp luật về đầu tư công và kế toán, thống kê.

**Chương IV**

**QUY ĐỊNH VỀ MIỄN, GIẢM, TẠM DỪNG ĐÓNG**

**KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN**

**Điều 11. Miễn đóng kinh phí công đoàn**

*1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản, Luật Hợp tác xã sau khi phân chia tài sản theo quy định tại các Luật này, không còn tài sản để đóng kinh phí công đoàn thì được xem xét miễn đóng kinh phí công đoàn sau khi Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có văn bản đồng ý theo đề nghị của các tổ chức này. Thời gian Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, giải quyết không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản, Luật Hợp tác xã.*

*Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vẫn còn khả năng đóng kinh phí công đoàn thì thực hiện truy thu, truy đóng kinh phí công đoàn và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.*

*2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định việc miễn đóng kinh phí công đoàn tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc nguồn tài chính công đoàn.*

*3. Hồ sơ đề nghị số kinh phí công đoàn miễn đóng gồm: Văn bản đề nghị miễn đóng kinh phí công đoàn, tài liệu liên quan đến việc xác định số kinh phí công đoàn miễn đóng theo quy định tại khoản 1 Điều này và xác nhận của Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi phân cấp thu kinh phí công đoàn trực tiếp.*

**Điều 12. Giảm mức đóng kinh phí công đoàn**

*Giảm mức đóng kinh phí công đoàn tại khoản 2 Điều 30 của Luật Công đoàn được quy định như sau:*

*1. Các trường hợp được xem xét giảm đóng kinh phí công đoàn là các trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 13 dẫn đến phải cắt giảm số lao động hiện có từ 30% hoặc từ 30 lao động trở lên đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có sử dụng dưới 200 lao động; từ 50 lao động trở lên đối với người sử dụng lao động có sử dụng từ 200 đến 1000 lao động; từ 100 lao động trở lên đối với người sử dụng lao động có sử dụng trên 1000 lao động, không kể lao động giao kết hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định có thời hạn dưới 01 tháng (các trường hợp trên không bao gồm việc tuyển dụng mới 20% so với số lượng lao động bị cắt giảm trong vòng 3 tháng kể từ ngày cắt giảm lao động).*

*Những trường hợp được coi là bất khả kháng được xem xét giảm mức đóng kinh phí công đoàn gồm: Hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, địch họa, dịch bệnh làm thiệt hại một phần hoặc toàn bộ cơ sở vật chất, thiết bị, máy móc, nhà xưởng có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người sử dụng lao động bị thiệt hại;*

*2. Thời gian giảm mức đóng kinh phí công đoàn:*

*a) Thời gian giảm mức đóng kinh phí công đoàn theo tháng và không quá 06 tháng.*

*b) Hết thời hạn giảm mức đóng quy định tại Điểm a Khoản này, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp tục đóng kinh phí công đoàn theo mức đóng quy định.*

*3. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định việc tạm dừng đóng kinh phí công đoàn tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc nguồn tài chính công đoàn. Căn cứ khả năng cân đối của tài chính công đoàn (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét giảm mức đóng kinh phí công đoàn đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có văn bản đề nghị và đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều này. Việc giảm mức đóng kinh phí công đoàn đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, thống nhất, công khai, minh bạch.*

*Mức giảm đóng kinh phí công đoàn tối đa đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét giảm theo tỷ lệ số lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bị cắt giảm hiện có trên tổng số người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội để làm căn cứ xác định số tiền đóng kinh kinh phí công đoàn có mặt trước khi cắt giảm lao động hoặc tạm dừng sản xuất, kinh doanh do bất khả kháng.*

*Thời gian Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, giải quyết đề nghị giảm mức đóng kinh phí công đoàn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Thời điểm giảm mức đóng kinh phí công đoàn tính từ tháng Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có văn bản đồng ý.*

*4. Hồ sơ đề nghị giảm mức đóng kinh phí công đoàn:*

*- Báo cáo tình hình sử dụng lao động và danh sách người lao động thuộc đối tượng phải cắt giảm hiện có theo quy định tại khoản 1 Điều này và tổng số lao động có mặt trước khi phải cắt giảm số lao động hiện có;*

*- Hồ sơ đề nghị của đơn vị (văn bản đề nghị giảm mức đóng kinh phí công đoàn, tài liệu liên quan đến việc xác định số người lao động thuộc đối tượng cắt giảm lao động theo quy định tại khoản 1 Điều này và xác nhận của Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi phân cấp thu kinh phí công đoàn trực tiếp).*

**Điều 13. Tạm dừng đóng kinh phí công đoàn**

*Tạm dừng đóng kinh phí công đoàn tại khoản 3**Điều 30 của Luật Công đoàn được quy định như sau:*

*1. Các trường hợp được xem xét tạm dừng đóng kinh phí công đoàn:*

*a) Tạm dừng sản xuất, kinh doanh từ 01 tháng trở lên do gặp khó khăn khi thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc do khủng hoảng, suy thoái kinh tế hoặc thực hiện chính sách của Nhà nước khi tái cơ cấu nền kinh tế hoặc thực hiện cam kết quốc tế;*

*b) Gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa.*

*2. Điều kiện được xem xét tạm dừng đóng kinh phí công đoàn:*

*Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, được xem xét tạm dừng đóng kinh phí công đoàn khi có một trong các điều kiện sau:*

*a) Không bố trí được việc làm cho người lao động, trong đó số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải tạm thời nghỉ việc từ 50% tổng số lao động có mặt trước khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh trở lên;*

*b) Bị thiệt hại trên 50% tổng giá trị tài sản do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, mất mùa gây ra (không kể giá trị tài sản là đất).*

*3. Thời gian tạm dừng đóng kinh phí công đoàn:*

*a) Thời gian tạm dừng đóng kinh phí công đoàn theo tháng và không quá 12 tháng.*

*b) Hết thời hạn tạm dừng đóng quy định tại Điểm a Khoản này, doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp tục đóng kinh phí công đoàn theo mức đóng quy định.*

*4. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định việc tạm dừng đóng kinh phí công đoàn tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc nguồn tài chính công đoàn. Căn cứ khả năng cân đối của tài chính công đoàn (không bao gồm nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét tạm dừng đóng kinh phí công đoàn đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có văn bản đề nghị và đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này. Thời gian Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, giải quyết đề nghị tạm dừng đóng kinh phí công đoàn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Thời điểm tạm dừng đóng kinh phí công đoàn tính từ tháng Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có văn bản đồng ý.*

*5. Hồ sơ đề nghị tạm dừng đóng kinh phí công đoàn:*

*- Báo cáo tình hình sử dụng lao động và danh sách người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tạm nghỉ việc từ 50% tổng số lao động có mặt trước khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh trở lên;*

*- Hồ sơ đề nghị của đơn vị (văn bản đề nghị tạm dừng mức đóng kinh phí công đoàn, tài liệu liên quan đến việc xác định số người lao động thuộc đối tượng phải đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tạm nghỉ việc từ 50% tổng số lao động có mặt trước khi tạm dừng sản xuất, kinh doanh trở lên và xác nhận của Công đoàn cơ sở hoặc Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi phân cấp thu kinh phí công đoàn trực tiếp).*

**Điều 14. Trách nhiệm của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khi miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn**

1. Công khai các trường hợp được miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn trên website của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Tổng hợp việc miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn thành một nội dung riêng trong báo cáo Quốc hội về tình hình thu, chi và quản lý, sử dụng tài chính công đoàn theo khoản 4 Điều 33 Luật Công đoàn.

3. Bảo đảm kinh phí hoạt động công đoàn và thực hiện các nhiệm vụ tại khoản 2 Điều 31 Luật Công đoàn tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn.

**Chương V**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN CỦA TỔ CHỨC CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI DOANH NGHIỆP**

**Điều 15. Về phân phối kinh phí công đoàn của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp**

Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp thành lập theo Điều 172 Bộ luật lao động năm 2019 được phân phối số kinh phí công đoàn dành cho cấp cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Công đoàn.

Tổ chức công đoàn thực hiện phân phối kinh phí công đoàn của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp từ ngày tổ chức này thành lập theo quy định của pháp luật và từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 16. Quản lý, sử dụng kinh phí công đoàn của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp**

1. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp sử dụng kinh phí công đoàn để thực hiện các nhiệm vụ tại điểm a, b, c, g, h khoản 2 Điều 31 Luật Công đoàn đối với người lao động tham gia tổ chức; việc thu, chi kinh phí công đoàn phải được theo dõi, lưu trữ theo hướng dẫn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và định kỳ hàng năm công khai cho thành viên của tổ chức theo các hình thức quy định tại Điều 34 Luật Công đoàn.

2. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và đúng thời gian việc sử dụng kinh phí công đoàn theo yêu cẩu bằng văn bản của tổ chức công đoàn để tổ chức công đoàn báo cáo, công khai việc quản lý, sử dụng tài chính công đoàn theo Điều 33 và Điều 34 Luật Công đoàn.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 17. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Nghị định số 191/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn hết hiệu lực thi hành từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

***Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp***

*1. Đối với các tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu và quản lý, sử dụng tài chính công đoàn đã được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành để thực hiện trong hệ thống tổ chức của Công đoàn Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.*

*2. Trong thời gian Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chưa ban hành quy định về thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định này, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quyết định đối với những nội dung về miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn theo quy định tại Nghị định này*.

**Điều 19. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm:

a) Đóng kinh phí công đoàn đầy đủ, đúng thời hạn cho tổ chức công đoàn theo đúng quy định tại Nghị định này và quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về phân cấp thu, phân phối nguồn thu kinh phí công đoàn;

b) Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu có liên quan đến trách nhiệm đóng kinh phí công đoàn khi có yêu cầu của tổ chức công đoàn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có trách nhiệm:

a) Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu tài chính công đoàn trên cơ sở áp dụng định mức, chế độ do Nhà nước quy định để bảo đảm hoạt động của công đoàn; quy định phân cấp thu, phân phối nguồn thu và quản lý nguồn thu (đoàn phí, kinh phí công đoàn, các nguồn thu khác theo quy định) để thực hiện trong hệ thống tổ chức của Công đoàn Việt Nam.

*Đối với các hoạt động nghiệp vụ đặc thù của hệ thống tổ chức Công đoàn Việt Nam chưa được quy định tại các văn bản pháp luật thì Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng và quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu tài chính công đoàn phù hợp với hoạt động nghiệp vụ đặc thù của tổ chức Công đoàn Việt Nam, gửi thống nhất với Bộ Tài chính để ban hành, thực hiện..*

b) Xây dựng và ban hành định mức phân bổ dự toán chi hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị trực thuộc và tổ chức công đoàn các cấp trên cơ sở vận dụng định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương theo quy định của Thủ tướng Chính phủ để bảo đảm công khai, minh bạch trong phân bổ dự toán, quản lý và sử dụng tài chính công đoàn;

c) Chỉ đạo tổ chức công đoàn các cấp quản lý, sử dụng kinh phí công đoàn theo đúng quy định; chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính, thuế, thanh tra cùng cấp kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đóng kinh phí công đoàn của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý vi phạm pháp luật về đóng kinh phí công đoàn.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm *cân đối, đề xuất* bố trí ngân sách trung ương cấp hỗ trợ tài chính công đoàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật đầu tư công.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm *cân đối*, bố trí ngân sách địa phương cấp *Liên đoàn Lao động cấp tỉnh* theo quy định tại Điều 10 Nghị định này theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và pháp luật đầu tư công.

**Điều 20. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTTH (110b).  | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG** **Phạm Minh Chính** |